TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/DS-ST
Ngày: 08/9/2022.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước.

2. Ông Dư Văn Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2022/QĐST-DS ngày 08/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần B

Địa chỉ: đường T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh L, sinh năm 1987, trú tại: đường T, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2021 - có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Trung H, (vắng mặt).

Bà Võ Thị Cẩm N, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Minh L trình bày:

Vào ngày 18/12/2018 ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần B- Chi nhánh S – Phòng giao dịch thành phố S số tiền 230.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD3771812180435B ngày 18/12/2018. Thỏa thuận mục đích vay là tiêu dùng hợp pháp (sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ gia dụng), thời hạn vay 60 tháng từ ngày 19/12/2018 cho đến hết ngày 18/12/2023. Lãi suất trong hạn 12,75%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Hình thức thanh toán trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng cố định vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 10/01/2019, (59 kỳ đầu trả số tiền mỗi kỳ là 3.835.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hợp đồng hết hạn). Hình thức vay là cho vay không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H và bà N không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận. Tính đến ngày 08/9/2022, ông H và bà N còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tổng cộng là 214.371.101 đồng (trong đó, tiền vốn là 157.135.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 11/8/2020 đến ngày 08/9/2022 là 21.943.975 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/8/2020 đến ngày 08/9/2022 là 31.650.995 đồng, tiền lãi chậm trả lãi tính từ ngày 10/9/2020 đến ngày 08/9/2022 là 3.641.130 đồng).

Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ tính đến 08/9/2022 tổng cộng là 214.371.101 đồng (trong đó, tiền vốn là 157.135.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 11/8/2020 đến ngày 08/9/2022 là 21.943.975 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 11/8/2020 đến ngày 08/9/2022 là 31.650.995 đồng, tiền lãi chậm trả lãi tính từ ngày 10/9/2020 đến ngày 08/9/2022 là 3.641.130 đồng).

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Phía nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N trả số tiền vốn là 157.135.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.943.975 đồng và tiền lãi quá hạn là 31.650.995 đồng. Phía nguyên đơn không yêu cầu ông H và bà N trả số tiền lãi chậm trả lãi là 3.641.130 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn là ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt ông H và bà N.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, không yêu cầu bị đơn ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N phải trả số tiền lãi chậm trả lãi là 3.641.130 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và việc thay đổi này

không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD3771812180435B ngày 18/12/2018, thấy rằng: Ngân hàng thương mại cổ phần B ủy quyền cho Ngân hàng thương mại cổ phần B- Chi nhánh S – Phòng giao dịch thành phố S ký kết hợp đồng tín dụng với ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn và lãi là 210.729.970 đồng (trong đó, tiền vốn là 157.135.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.943.975 đồng và tiền lãi quá hạn là 31.650.995 đồng). Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD3771812180435B ngày 18/12/2018 thì phía Ngân hàng với ông H và bà N thỏa thuận số tiền ông H và bà N vay của Ngân hàng là 230.000.000 đồng, mục đích vay vốn là tiêu dùng hợp pháp (sửa chữa nhà ở và mua sắm đồ gia dụng), thời hạn vay 60 tháng từ ngày 19/12/2018 cho đến hết ngày 18/12/2023. Hình thức thanh toán trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng cố định vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên là vào ngày 10/01/2019, (59 kỳ đầu trả số tiền mỗi kỳ là 3.835.000 đồng, kỳ cuối trả số tiền còn lại vào ngày hợp đồng hết hạn).

Sau khi ký hợp đồng, phía ngân hàng đã giải ngân cho ông H và bà N nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn ông H và bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo hợp đồng đã ký. Do, ông H và bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc phải trả lại toàn bộ số tiền vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Do, bị đơn ông H và bà N không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn ông H và bà N còn nợ nguyên đơn số tiền vốn và lãi tính đến ngày 08/9/2022 là 210.729.970 đồng.

[6] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 08/9/2022 đến khi ông H và bà N trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

kiêm khế ước nhận nợ số HD3771812180435B ngày 18/12/2018. Xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu. Ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 357, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ tổng cộng là 210.729.970 đồng (trong đó, tiền vốn gốc là 157.135.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.943.975 đồng và tiền lãi quá hạn là 31.650.995 đồng).

Kể từ ngày 09/9/2022 bị đơn ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HD3771812180435B ngày 18/12/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa

án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Trung H và bà Võ Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.536.498 đồng.

- Ngân hàng thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.499.603 đồng theo biên lai số 0000012 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Phước Tài